

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 246/2025/HS-PT

Ngày: 18 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Võ Nguyên Tùng và ông Lê Trúc Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vương Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 227/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 8 năm 2025, do có kháng cáo của bị cáo Ngô Ngọc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk).

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Ngô Ngọc T** (Tên gọi khác: Không); Sinh ngày: 02/4/1960, tại tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên); Nơi cư trú: số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk); Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Ngô Quang H và bà Ngô Thị T1 (đều đã chết); Có vợ là: Nguyễn Thị P và có 02 con, sinh năm 1991 và 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Bích N – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964; Địa chỉ: 2 N, phường T, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bà Dương Thị Thu T2, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn A, phường E, tỉnh Đắk Lắk;

3. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn A, phường E, tỉnh Đắk Lắk;

3. Bà Bùi Thị Hồng T4, sinh năm 1967; Địa chỉ: A H, tổ D, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

4. Bà Phan Thị Bích L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số C N, tổ D, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

5. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số E T, tổ D, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

6. Bà Phạm Thị L1, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk;

7. Ông Vũ Đức T5, sinh năm 1975; Địa chỉ: Buôn N, xã E, tỉnh Đắk Lắk;

8. Bà Vũ Thị L2, sinh năm 1977; Địa chỉ: Buôn N, xã E, tỉnh Đắk Lắk;

(đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T7 (gọi tắt là Công ty TNHH T7) do Ngô Ngọc T làm chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở: số B đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được Phòng Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 40.04.000 113 ngày 03/3/2008 (đăng ký lần đầu), đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 29/4/2008, được C3 và thủy sản - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 151/2022/NNPTNT-ĐL, có hiệu lực đến ngày 07/11/2025. Công ty TNHH T7 sản xuất, buôn bán các mặt hàng liên quan đến cà phê bột, cà phê rang hạt, theo bản tự công bố (ngày 31/7/2023) gồm các nhãn hiệu: Cà phê cao cấp B, CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B F, CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B Trộn (hàm lượng Caffeine được in trên bao bì $\geq 1\%$).

Vào khoảng tháng 7/2023, Ngô Ngọc T nhận thấy giá cà phê hạt trên thị trường tăng cao, việc sản xuất cà phê bột theo hàm lượng C đã công bố và in trên bao bì sản phẩm thì việc buôn bán sẽ không có nhiều lợi nhuận nên T đã thay đổi bản tự công bố sản phẩm đối với hai nhãn hiệu là Cà phê Tân Tín B F và Cà phê T8 (hàm lượng caffeine của hai loại cà phê bột này theo bản tự công bố là từ 0,6% đến 1,0%). Sau đó, T thực hiện hành vi sản xuất cà phê bột, mỗi lần rang có thành phần khoảng 50kg hạt đậu nành, 40kg hạt cà phê để tiến hành rang, xay và thêm các hương liệu gồm cà phê, muối, bơ trộn chung, đóng gói thành sản phẩm cà phê bột để xuất bán ra thị trường. Quá trình thực hiện, T mua các loại nguyên liệu (hạt đậu nành, hạt cà phê), phụ gia (hương liệu, caramel, muối, bơ), bao bì tại nhiều nơi trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đem về nhà tại số B đường N, phường T, thành phố B và sử dụng các phương tiện, công cụ gồm: 02 lò rang; 01 máy xay; 01 cối trộn; 01 cối đánh toi; 01 máy hàn kín miệng bao bì; 01 cân đồng hồ, loại 05kg; 01 thùng kim loại; 02 chậu nhựa màu đỏ để tiến hành việc rang, xay, trộn các nguyên liệu và đóng thành gói cà phê bột giả, sau đó đem bán nhằm thu lợi bất chính, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 6/2024, T điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 47L-5063, loại xe tải thùng kín, nhãn hiệu Samsung chở bà Nguyễn Thị P (là vợ của T) đến cửa hàng T9, địa chỉ: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để bán các sản phẩm cà phê bột cho bà Dương Thị Thu T2, quá trình mua bán các bên thanh toán bằng tiền mặt, không có hóa đơn, giấy tờ mua bán. Qua làm việc, tại đây Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ được 01 gói cà phê bột nhãn hiệu “Cà phê cao cấp B”, khối lượng 500g, chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5\%$, hàm lượng caffeine $\geq 1\%$; địa chỉ sản xuất: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; ngày sản xuất 01/3/2024.

Lần thứ hai: Cũng vào khoảng tháng 6/2024, T điều khiển xe ô tô tải chở bà P đi đến cửa hàng T10, địa chỉ: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để bán các sản phẩm cà phê bột cho bà Trần Thị T3, quá trình mua bán các bên chưa thanh toán tiền, cũng không có hóa đơn, giấy tờ mua bán. Qua làm việc, tại đây Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ được 10 gói cà phê bột nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B F”, khối lượng 500g/ gói, chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5\%$, hàm lượng caffeine $\geq 1\%$, địa chỉ sản xuất: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ngày sản xuất 01/6/2024 và 09 gói cà phê bột nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B Trộn”, khối lượng 500g/ gói, chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5\%$, hàm lượng caffeine $\geq 1\%$, địa chỉ sản xuất: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ngày sản xuất 10/5/2024.

Lần thứ ba: Vào khoảng tháng 7/2024, cũng với cách thức như trên, T cùng bà H2 đi đến cửa hàng T11, địa chỉ: C đường N, tổ dân phố D, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để bán các sản phẩm cà phê bột cho bà Phan Thị Bích L, quá trình mua bán các bên chưa thanh toán tiền, cũng không có hóa đơn, giấy tờ mua bán. Qua làm việc, tại đây Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ được 10 gói cà phê bột nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B F”, khối lượng 500g/ gói, chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5\%$, hàm lượng caffeine $\geq 1\%$, địa chỉ sản xuất: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ngày sản xuất 02/7/2024 và 04 gói cà phê bột nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B Trộn”, khối lượng 500g/ gói, chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5\%$, hàm lượng caffeine $\geq 1\%$, địa chỉ sản xuất: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ngày sản xuất 02/7/2024.

Lần thứ tư: Cũng vào khoảng tháng 7/2024, với cách thức như trên T và bà P đi đến quán C4, địa chỉ: Số E T, tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để bán cà phê bột cho bà Phạm Thị H1 với số lượng là 20 gói cà phê bột nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B F”, khối lượng 500g/ gói, với giá là 120.000/1kg, tương ứng với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, các bên đã thanh toán bằng tiền mặt, tuy nhiên không có hóa đơn, giấy tờ mua bán. Qua làm việc, tại đây Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ được 12 gói cà phê bột nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B F”, khối lượng 500g/ gói, chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5\%$, hàm lượng caffeine $\geq 1\%$, địa chỉ sản xuất: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, ngày sản xuất 02/7/2024.

Lần thứ năm: Vào ngày 23/7/2024, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47L-5063 chở theo bà P, cùng các sản phẩm cà phê bột đến cửa hàng T12, địa chỉ số

nhà C, thôn A, xã E, huyện B bán cho bà Phạm Thị L1 với số lượng 10 gói cà phê bột nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B Trộn” khối lượng 500g/ gói, chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5\%$, hàm lượng caffeine $\geq 1\%$, địa chỉ sản xuất: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, với giá 60.000 đồng/ gói, tuy nhiên các bên chưa thanh toán tiền, việc mua bán không có hóa đơn, giấy tờ mua bán. Qua làm việc, tại đây Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ được tổng cộng 19 gói cà phê bột nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B Trộn”, khối lượng 500g/gói, chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5\%$, hàm lượng caffeine $\geq 1\%$, địa chỉ sản xuất: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe ô tô chở bà P đến quán C5 tại buôn N, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk để chào bán các sản phẩm cà phê bột thì bị lực lượng Công an thuộc Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đ phát hiện và thu giữ 247kg cà phê bột các loại (nhãn hiệu “CÀ PHÊ CAO CẤP B TÂN TÍN”, “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B Trộn”, “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B F”, “CÀ PHÊ CAO CẤP B TÂN TÍN Trộn”; “Cà phê cao cấp B”, “Cà Fê nguyên chất Cà Fê Tân”) cùng các tang vật, tài liệu khác có liên quan.

Quá trình tiến hành làm việc, khám xét cơ sở sản xuất tại số B N, phường T, thành phố B phát hiện và thu giữ thêm 13kg cà phê bột các loại (nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B Trộn”, “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B F”); các nguyên liệu, công cụ, phương tiện liên quan đến việc rang, xay, trộn và đóng gói bao bì sản phẩm cà phê bột.

Tại bản kết luận giám định 1833/KL-KTHS ngày 18/9/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Trong 22 mẫu chất rắn màu nâu dạng bột (mẫu cà phê bột) niêm phong trong 22 túi ni lông ký hiệu lần lượt là: CFTTF, XCFTTTX, CFCTTX1, CFCTTX2, CFTTX, CFTTTX1, CFNCTTX, CFTTTK, CFTTFK1, CFTTFK2, CFTTFTG1, CFTTTTG2, CFTTFTG3, CFTTFTG4, CFTTTTG5, CFTTTTG6, CFTTTTG7, CFTTTTG8, CFTTTTG9, CFCTTTG10, CFTTFTG11, CFNCTTTG12 gửi giám định đều tìm thấy C, hàm lượng Caffeine trong từng mẫu như bảng sau:

Ký hiệu mẫu	Hàm lượng caffeine (%)	Ký hiệu mẫu	Hàm lượng caffeine (%)
CFTTFX	0,690	CFTTTTG2	0,557
CFTTTX	0,649	CFTTFTG3	0,612
CFCTTX1	0,237	CFTTFTG4	0,571
CFCTTX2	0,185	CFTTTTG5	0,749
CFTTX	0,208	CFTTTTG6	0,586
CFTTTX1	0,859	CFTTTTG7	0,621
CFNCTTX	1,340	CFTTTTG8	0,551
CFTTTK	0,633	CFTTTTG9	0,547
CFTTFK1	1,040	CFCTTTG10	0,224
CFTTFK2	0,644	CFTTFTG11	0,615

CFTTFTG1	0,627	CFNCTTTG12	1,240
----------	-------	------------	-------

Hàm lượng Caffeine trong các mẫu ký hiệu: CFTTFX, CFTTTX, CFCTTX1, CFCTTX2, CFTTX, CFTTTX1, CFTTTK, CFTTFK2, CFTTFTG1, CFTTTTG2, CFTTFTG3, CFTTFTG4, CFTTTTG5, CFTTTTG6, CFTTTTG7, CFTTTTG8, CFTTTTG9, CFCTTTG10 và CFTTFTG11 gửi giám định đều không đạt chỉ tiêu hàm lượng Caffeine theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015 (Tiêu chuẩn quốc gia về cà phê bột, hàm lượng C (tính theo % khối lượng) không nhỏ hơn 1,0%).

Hàm lượng Caffeine trong các mẫu ký hiệu: CFNCTTX, CFTTFK1, CFNCTTTG12 gửi giám định đều đạt chỉ tiêu hàm lượng Caffeine theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015 (Tiêu chuẩn quốc gia về cà phê bột, hàm lượng C (tính theo % khối lượng) không nhỏ hơn 1,0%).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 3500/KL-HĐĐG ngày 27/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Tổng giá trị của 272kg cà phê bột giả theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 17 Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ là 49.975.000 đồng; giá trị của 9,5kg cà phê bột kém chất lượng là 1.425.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã tiến hành thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu liên quan gồm: 263 gói (tương ứng 131,5kg) cà phê bột, nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B F”, khối lượng: 500g/gói, sản xuất tại địa chỉ: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; 252 gói (tương ứng 126kg) cà phê bột, nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B Trộn”, khối lượng: 500g/gói, sản xuất tại địa chỉ: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; 21 gói (tương ứng 10,5kg) cà phê bột, nhãn hiệu “CÀ PHÊ CAO CẤP B TÂN TÍN”, khối lượng: 500g/gói, sản xuất tại địa chỉ: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; 50 gói (tương ứng 05kg) cà phê bột, nhãn hiệu “CÀ PHÊ CAO CẤP B TÂN TÍN Trộn”; khối lượng: 100g/gói, sản xuất tại địa chỉ: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; 22 gói (tương ứng 11kg) cà phê bột, nhãn hiệu “Cà phê cao cấp B cao cấp Chồn Tân Tín”, khối lượng: 500g/gói, sản xuất tại địa chỉ: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; 36 gói (tương ứng 18kg) cà phê bột, nhãn hiệu “Cà Fê Nguyên chất Cà Fê T”, khối lượng: 500g/gói, sản xuất tại địa chỉ: 2 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; 02 lò rang; 01 máy xay; 01 cối trộn; 01 cối đánh tơi; 01 máy hàn kín miệng bao bì; 01 cân đồng hồ, loại 05kg; 01 thùng kim loại; 02 chậu nhựa màu đỏ; 03 thùng vỏ bao bì (đã được niêm phong); 10 bao tải, loại bao xác rắn, bên trong có chứa các hạt màu đen; 01 xe ô tô biển kiểm soát 47L-5063, loại xe tải thùng kín (tình trạng đã qua sử dụng, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 00119875 do Phòng C7 Công an tỉnh Đ cấp ngày 13/4/2005 và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và Bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số DB 2241226 do Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 47-06Đ cấp ngày 23/5/2024); 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Redmi note 12, vỏ màu xanh, đã qua sử dụng; 01 cuốn sổ bìa màu tím, trên bìa có in chữ nội dung: Handbook Tân Vĩnh T6; số tiền 720.000 đồng do bị cáo Ngô Ngọc T tự nguyện giao nộp; 01 gói bột, bên ngoài có in nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN BF”, khối lượng: 500g và 01 gói bột, bên ngoài có in nhãn hiệu “CÀ PHÊ RANG XAY TÂN TÍN B

Trộn” khối lượng: 500g là 02 gói mẫu vật do bị cáo T thực hiện rang, xay, đóng gói trong quá trình thực nghiệm điều tra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/HSST ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đắk Lắk) đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngô Ngọc T phạm tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 193; điểm x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Ngọc T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 193 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo Ngô Ngọc T số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) để nộp Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2025, bị cáo Ngô Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Ngô Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk khẳng định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ngô Ngọc T về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm” theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự là đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo là thỏa đáng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp khoản tiền phạt bổ sung 20.000.000đ theo Bản án sơ thẩm đã tuyên, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo T 09 tháng tù. Do bị cáo phạm tội hai lần trở lên nên không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo; đồng thời giữ nguyên các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Ngọc T trình bày quan điểm bào chữa: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo T phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm” theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” là không đúng, vì bị cáo phải thực hiện việc kinh doanh, buôn bán liên tục; Bị cáo thu lợi bất chính không lớn, vì bán sản phẩm với giá thành thấp và phạm vi hoạt động kinh doanh với quy mô nhỏ; Khi bị cáo sản xuất cả phê bột chủ yếu pha trộn với hạt bắp, đậu nành nên không gây độc hại, ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, nay đã trên 65 tuổi, là người có công với Cách mạng, thương binh 2/4 với tỷ lệ thương tật 61%; Hiện nay bị cáo đang bị mắc nhiều căn bệnh do ảnh hưởng bởi các vết thương khi

tham gia tại chiến trường Campuchia; Tuy hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn nhưng bị cáo đã thực hiện xong hình phạt bổ sung theo Bản án sơ thẩm đã tuyên, đây là tình tiết giảm nhẹ mới thể hiện sự ăn hối cải của bị cáo. Đồng thời nếu áp dụng hình phạt tù thì bị cáo không đủ sức khỏe để chấp hành do bị cáo là thương binh, tuổi đã cao, sức yếu và bị nhiều căn bệnh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo và Kiểm sát viên tranh luận đối đáp với nhau nhưng đều giữ nguyên quan điểm.

Bị cáo không tranh luận gì thêm, ở lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo vì bệnh tật và tuổi cao, sức yếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy như sau:

[1]. Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng tháng 6/2024, tại số B N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Ngô Ngọc T có hành vi sản xuất các loại sản phẩm cà phê bột giả, không đạt chỉ tiêu hàm lượng Caffeine theo tiêu chuẩn TCVN 5251:2015, không đúng theo bao bì sản phẩm (hàm lượng Caffeine $\geq 1\%$), sau đó sản xuất bán ra thị trường nhằm thu lợi bất chính, với tổng số hàng giả thu giữ được là 272kg, có giá trị tương đương là 49.975.000 đồng.

Do đó, Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Ngô Ngọc T về tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm” theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy: Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, trật tự sản xuất, ổn định thị trường về sản xuất hàng hóa mà còn ảnh hưởng đến lợi ích và sức khỏe của người tiêu dùng.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thì thấy: Mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là thỏa đáng. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền phạt bổ sung 20.000.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước theo Bản án sơ thẩm đã tuyên và cung cấp kết quả chụp X-Q, kết quả xét nghiệm, đơn xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét. Ngoài ra bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác như là người có công với Cách M đã tham gia tại chiến trường Campuchia, là thương binh 2/4, bị cáo là người cao tuổi (trên 65 tuổi), lại bị mắc nhiều căn bệnh. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T để thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ bị cáo thực hiện hành vi “phạm tội 02 lần trở lên” nên thuộc trường hợp không được hưởng án treo.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Ngọc T, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2025/HS-ST ngày 16/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đắk Lắk) về phần hình phạt.

Tuyên xử:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 193; điểm x, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Ngô Ngọc T 09 (Chín) tháng tù, về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả là thực phẩm*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

[2]. Về án phí: Bị cáo Ngô Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TPT TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng PV06 Công an tỉnh Đắk Lắk
- TAND khu vực 2 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Y Phi Kbuôn